

CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO KỸ THUẬT M.E.P VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO KỸ THUẬT M.E.P VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: M.E.P VIET NAM TECHNICAL TRAINING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: M.E.P VIỆT NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0110385899

3. Ngày thành lập: 13/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 ngõ 127 phố Ngô Xuân Quảng, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0373555818

Fax:

Email: dtktmepvn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan - Phân phối xăng dầu	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, tem, tiền kim khí)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
28.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
29.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
30.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
31.	Trồng cây hàng năm khác	0119
32.	Trồng cây ăn quả	0121
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
34.	Trồng cây lâu năm khác	0129
35.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
36.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
37.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145

38.	Chăn nuôi gia cầm	0146
39.	Chăn nuôi khác	0149
40.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
41.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
42.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
43.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
44.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
45.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
46.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
47.	Dịch vụ đóng gói	8292
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
49.	Đào tạo sơ cấp	8531
50.	Đào tạo trung cấp	8532
51.	Đào tạo cao đẳng	8533
52.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, tôn giáo)	8559(Chính)
53.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục, - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. - Kinh doanh dịch vụ Tư vấn du học	8560
54.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
55.	Hoạt động thể thao khác	9319
56.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
57.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
58.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
59.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
60.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình: Tủ lạnh, lò nấu, lò nướng, máy giặt, máy vắt, máy vắt, máy sấy quần áo, điều hòa nhiệt độ;	9522
61.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
62.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
63.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
64.	Lập trình máy vi tính	6201
65.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
66.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

67.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
68.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
69.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
70.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ Tư vấn bất động sản - Dịch vụ Môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
71.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán)	7020
72.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Kiểm định xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn đánh giá dự án đầu tư - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	7110
73.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
74.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
75.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra)	7320
76.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

77.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy Loại trừ: Hoạt động của các nhà báo độc lập và loại trừ các hoạt động: Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán.	7490
78.	Cho thuê xe có động cơ	7710
79.	Bán buôn tổng hợp	4690
80.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
81.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
82.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
83.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
84.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu	4730
85.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
86.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
87.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
88.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
89.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
90.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
91.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
92.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
93.	Sản xuất sợi	1311
94.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
95.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
96.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
97.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
98.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
99.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
100.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
101.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
102.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
103.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
104.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
105.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
106.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
107.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
108.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

109.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
110.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
111.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
112.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
113.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
114.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
115.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
116.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
117.	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị điện gia dụng như: Tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy rửa bát, máy giặt và sấy khô, máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện, và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió; - Sản xuất các thiết bị gia dụng nhiệt điện như : máy đun nước bằng điện, chăn điện, máy sấy, lược, bàn chải, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở,... - Sản xuất thiết bị nấu và làm nóng gia dụng không dùng điện như: + Máy sưởi không dùng điện, vỉ nướng, lò, ấm đun nước, thiết bị nấu ăn, sấy bát	2750
118.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
119.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình;	2819
120.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất thang máy hoạt động liên tục và băng tải sử dụng dưới đất	2824
121.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
122.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
123.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
124.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932

125.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
126.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kho ngoại quan)	5210
127.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
129.	Bốc xếp hàng hóa	5224
130.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Trừ dịch vụ vận tải đường hàng không)	5225
131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
132.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
133.	Cơ sở lưu trú khác	5590
134.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, Phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
135.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
136.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
137.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
138.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
139.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
140.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
141.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
142.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
143.	Đại lý du lịch	7911
144.	Điều hành tua du lịch	7912
145.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
146.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020

147.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: - Việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp cho cơ sở vật chất của khách hàng như làm sạch nội thất, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng - Dịch vụ Quản lý vận hành Nhà chung cư	8110
148.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
149.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
150.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
151.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy	3290
152.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
153.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
154.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
155.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
156.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
157.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
158.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
159.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
160.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
161.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
162.	Xây dựng nhà để ở	4101
163.	Xây dựng nhà không để ở	4102
164.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
165.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
166.	Xây dựng công trình điện	4221
167.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
168.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
169.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
170.	Xây dựng công trình thủy	4291
171.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
172.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
173.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
174.	Phá dỡ	4311
175.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
176.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
177.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

178.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
179.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
180.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
181.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
182.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
183.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
184.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
185.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
186.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng đạn, tem, tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ VĂN NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090023109

Ngày cấp: 27/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Linh Quy Bắc, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Linh Quy Bắc, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090023109

Ngày cấp: 27/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Linh Quy Bắc, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Linh Quy Bắc, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội